

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-3-2019

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Trung

Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2018, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 28/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982.

Cư trú tại số 24/17 đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần Chí C, sinh năm 1975.

Cư trú tại: số 6133 47th Ave S, S, W 98118, USA.

Tại phiên tòa: Chị T có mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018 và ngày 11/5/2018, bản tự khai đề ngày 18/5/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Chí C đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/02/2004, được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn, hiện nay bản chính Giấy chứng nhận kết hôn chị đã làm mất. Địa chỉ của anh C trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi là 6206 L PL S W 98118 USA, nhưng qua thông tin người quen bên Mỹ thì chị được biết anh C đang cư trú tại 6133 47th Ave S, S, W 98118, USA.

Sau khi kết hôn, chị và anh C sống tại nhà chị khoảng một tháng, đến ngày 10/3/2004 anh C quay trở về Mỹ. Trước khi đi anh C hứa sẽ bảo lãnh chị sang Mỹ để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi về Mỹ, giữa chị và anh C vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại một thời gian, nhưng sau đó việc liên lạc ngày càng thưa dần, chị điện thoại thì anh C không nghe máy. Đến khoảng tháng 12/2004 giữa anh C và chị không còn liên lạc, phân ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau.

Nay, chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Chí C.

Về tài sản chung, nợ chung, con chung giữa chị và anh Trần Chí C không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Trần Chí C không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại Điều 48, 51, 470, 474, 475, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách của những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 473 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 121, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, chị T được ly hôn với anh Trần Chí C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Chí C, địa chỉ của anh C ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi là 6206 L PL S W 98118 USA, nhưng hiện nay anh C đang cư trú tại 6133 47th Ave S, S, W 98118, USA, căn cứ quy định tại các Điều 37, 38, 469, 470 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý, xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, văn bản yêu cầu trình bày ý kiến, các giấy triệu tập cho anh Trần Chí C nhưng không có kết quả. Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã thực hiện việc niêm yết C khai các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại trụ sở Đại sứ quán; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cũng đã niêm yết C khai các văn bản tố tụng tại trụ sở của Tòa án; Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án, mặc dù anh Trần Chí C không có mặt, theo quy định tại khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Chí C tự nguyện tìm hiểu, ngày 06/02/2004 chị T và anh C đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi và được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Chí C là hợp pháp.

Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn chị T và anh C sống tại nhà chị T khoảng một tháng, đến ngày 10/3/2004 anh C trở về Hoa Kỳ sinh sống. Trước khi đi anh C hứa sẽ bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi về Hoa Kỳ, thời gian đầu giữa chị T và anh C vẫn liên lạc qua điện thoại, nhưng sau đó chị T gọi điện thoại thì anh C không nghe máy. Đến khoảng tháng 12 năm 2004, anh C và chị T không còn liên lạc với nhau, Như vậy, cuộc sống gia đình giữa chị T và anh C đã chấm dứt từ tháng 12 năm 2004, anh C, chị T đã nhiều năm xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, giữa anh chị không có sự chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vậy mục đích hôn nhân không đạt, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Chí C.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, còn anh Trần Chí C không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Chí C.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0002768 ngày 11/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Chí C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương